

HÀM LONG SƠN CHÍ

PHẦN THỨ HAI QUYỀN HAI

Giám định: Đại sư Tâm Truyền, tăng cang chùa Diệu Đế.

Biên soạn: Đệ tử Hồng Vịnh, đạo hiệu Như Như.

CỔ VĂN

1. HẠ NGŨ CÔNG ĐỨC ĐƯỜNG THÀNH (Mừng nhà Ngũ Công Đức đã xây dựng xong)

Phật ra đời năm thứ hai nghìn chín trăm hai mươi lăm, tuế thứ Trú Ung Am Mậu (tức năm Mậu Tuất 1898).

Đệ tử nổi pháp đời thứ 78 là đại sư (trên) Thanh (dưới) Minh, trú trì chùa Diệu Đế được sắc ban trùng tu chùa Báo Quốc, ấy là ơn đặc biệt nhất vậy. Đến rằm tháng Giêng thì làm xong, mà nhà Ngũ Công Đức gặp lúc hoàn thành, cùng chung một số.⁽¹⁾ Nghĩ rằng đây là nơi thờ cúng.⁽²⁾ Trong nhà đặt một bình trướng sư tử do Hoàng Thái hậu ban cho, cũng là ơn đặc biệt vậy. Đến khi khánh thành tụng kinh, sư tập hợp đại chúng, “rống âm sư tử” mà dạy rằng: “Tòa sư tử này hoàn thành vào ngày hoàn thành nhà Ngũ Công Đức. Nhà này lại hoàn thành vào ngày số bộ hoàn thành. Đó là ba việc hoàn thành nương theo nhau. Được như thế quả là kỳ diệu. Xin chư vị xét cho”. Lúc đó có vài vị kỳ lão chấp tay quỳ xuống mà bạch rằng: “Sư bảo sư tử là vua của bách thú, tiếng của sư tử một khi vang động thì bách thú phải khép nép. Đức Phật vang lòng viên âm, thì phạm âm chấm dứt, cho nên bình phong sư tử, tòa sư tử vì thế dựng nên”. Đó là một tên hay, là một tên bất hủ muôn đời. Nhà là nơi tập hợp đại chúng, làm việc làm tốt, nói lời nói hay. Lời nói hay ấy truyền khắp đương thời, cái bất hủ của nó là hai vậy. Số này chọn người ưu tú còn lại sau khi loại bỏ, uyên thâm đạo pháp, có nhân có đức trong chốn xóm làng; đức lành ấy để lại một chục hai vạn năm sau, là một trong ba cái bất hủ. Lấy ba cái bất hủ ấy hợp vào một nơi, xuất ra từ một tay, hoàn thành trong một ngày. Ấy là một sự lạ chưa từng thấy. Sự lạ đó làm sáng tỏ hai ơn đặc biệt, hợp lại với ba điều bất hủ, làm nên năm công đức, là dựa vào sức của ai? Quy về ở trên cao. Ở trên không

⁽¹⁾ Số: nguyên văn “bạ”, là một tổ chức quy tụ những người cùng ái mộ một chùa, hợp sức nhau để giúp đỡ nhà chùa (ngoại hộ), như quyên góp để trùng tu... Người ta cũng gọi là “phả” (hay phổ).

⁽²⁾ Nguyên văn: “Niệm tư tụ tứ chi sở”, có lẽ bị sót một chữ “ca”, vì “tư tụ tứ ca” là thành ngữ chỉ nơi thờ cúng thiêng liêng.

phải lấy từ cao quy về khối lớn; khối lớn không lấy từ lớn quy về muôn vật, muôn vật cũng không lấy cái tự có mà quy về cửa không. Không không là đức, là công, đều không thể nói được. Ta bèn lấy tên nhà ấy là nhà Ngũ Công Đức. Bọn ta vâng theo hai ơn đặc biệt ấy hợp với ba cái bất hủ thành năm công đức làm nên tuổi thọ của đại sư ta. Người thiện trong các người làng cho là như thế nào? Người thiện bèn nói rằng: Lành thay! Lành thay! Những người cùng trong hội Liên Trì nghe mà ghi chép lại để chúc mừng.

2. HẠ TÂM TRUYỀN ĐẠI SƯ THĂNG TĂNG CANG, TÂM THÀNH ĐẠI SƯ THĂNG TRÚ TRÌ TRƯỞNG VĂN (Bài văn trưởng mừng đại sư Tâm Truyền thăng chức tăng Cang, đại sư Tâm Thành thăng chức trú trì)

Đẹp dễ thay! Thông tốt bách tươi, ơn phước liền cảnh chưa có như việc thăng tuyền này của hai pháp huynh ta. Ngược về trước, chức tăng Cang, trú trì tại bảo sở này hai vị tôn sư Hòa thượng và Giáo thọ đã sung làm đời trước, hai pháp huynh ta được bổ về sau, khuôn mẫu giáo pháp giúp đời thực tốt đẹp thay. Duy anh cả siêng năng tinh tế hơn người, khuyến khích tăng nhân, cứu độ chúng sinh, đức hạnh không gì là không đúng đắn. Anh hai thì giỏi văn thao việc, giới luật nghiêm minh, đại chúng ngợi khen, ai nấy cùng một lời. Trong lần ấy được tuyền bổ là lẽ đương nhiên. Cứ theo chúng đệ tử xem, việc đề cử rất công bằng. Đức vốn gia truyền, cho nên một đài hai diệu cùng lúc thăng đường, xưa nay ít thấy. Nổi vui mừng biết lấy gì cân! Bèn kê sơ lược vài lời để tặng. Đến như đức nghiệp của hai anh, sử xanh đã chép cả rồi.

Phước Chỉ⁽¹⁾ và tăng chúng chùa Tường Vân kính mừng.

*

* *

Lời dẫn

Trong dân gian có hai loại chùa, chùa làng và chùa thầy. Chùa làng do làng quản lý, chỉ có một ông thủ tự do hội đồng hương chức chọn cử, cấp cho ruộng canh tác và ruộng hương hỏa để phục vụ đời sống và lo việc nhang đèn. Còn chùa thầy thì ngày xưa thường có một lực lượng khá đông đảo, tăng chúng đủ các lứa tuổi, tu hành đủ các trình độ, nhất là ở những chùa lớn, người ta gọi là đại tùng lâm, đại chiêu đề, hay tại các thiền viện (xứ Huế xưa hình như chỉ có một thiền viện: đó là Thiền Lâm viện, xuất hiện từ cuối thế kỷ XVII). Họ không những lo tu

⁽¹⁾ Thanh Thái Phước Chỉ, thế danh Nguyễn Huân, người làng Đa Nghi (Quảng Trị), sinh ngày mùng 5 tháng Năm năm Mậu Ngọ Tự Đức 11 (15/6/1858), đồng niên nhập đạo lúc 14 tuổi, ở chùa Diệu Đế với sư Diệu Giác (Hải Thuận Lương Duyên, họ Đỗ), rồi được sai lên sơn am học chữ với sư Hải Toàn Linh Cơ, đến ngày mùng 8 tháng Tư năm Nhâm Ngọ, Tự Đức 35 (24/5/1882) thì được thế độ. Sư làm tri sự chùa Tường Vân. Năm 1894, sư được thầy phó pháp, pháp danh Thanh Thái, pháp tự Phước Chỉ. Sau khi thầy viên tịch, sư kế thế trú trì chùa Tường Vân. Sư viên tịch ngày mùng 5 Tết Tân Dậu (13/1/1921).

hành, chăm nom Phật sự, mà còn phải lao động sản xuất để sinh tồn. Không chùa nào không có ruộng đất, do tự khai phá hay mua lại, hoặc được cúng dường, số lượng hàng mẫu, thậm chí hàng chục mẫu... Nếu không có một tổ chức chặt chẽ thì vị tự chủ không thể quản lý được để mọi việc đầu vào đấy, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tu tập. Bài *Thị chúng* dưới đây tổng hợp các chức danh và nhiệm vụ liên quan trong một nhà chùa xứ Huế, không rõ tác giả cũng không đề niên đại, có lẽ khoảng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, chép ngay sau bài trưởng mừng đại sư Tâm Truyền thăng chức tăng cang và đại sư Tâm Thành sung chức trú trì của hòa thượng Phước Chỉ và tăng chúng chùa Tường Vân. Từ đó ta có thể xếp vào nhóm tư liệu của chùa Tường Vân, nhưng không chỉ áp dụng cho riêng chùa ấy, có điều không phải chùa nào cũng có đầy đủ các chức danh như chùa Tường Vân.

3. THỊ CHÚNG (Dặn bảo môn đồ)

Xưa, đức Phật của chúng ta ăn một bữa giữa trưa, ngủ một giấc dưới gốc cây.⁽¹⁾ Bấy giờ đời sống giản dị, phong tục chất phác, cho nên ven suối góc rừng cũng đủ để dong chơi thoải mái, dưới xóm trên gò cũng đủ để dất dẫn chúng sinh. Chẳng như thời trung suy, giáo pháp bộn bề, lòng người trể nải, do đó ngài Bách Trượng Trường Lô⁽²⁾ không thể không mở rộng nhà chùa, xây dựng thanh quy nghiêm ngặt, cốt để giúp đỡ đại chúng vậy. Vả chăng, nhà chùa đặt ra các chức, cũng như triều đình có trăm quan, mỗi người phụ trách một chuyên môn thì công việc mới thành, nhân đó mà được thái bình vậy. Ta xem các thiền giới ngày nay thì hoặc chùa chiền mở rộng mà thanh quy chưa lập, hoặc thanh quy đã lập mà các chức chưa đầy đủ rõ ràng. Riêng chùa ta, thanh quy đã rõ, các chức đã nêu, đặc biệt đem ra thi hành mà chưa xem xét cho thêm phần tường tận. Bèn họp cùng vị thủ tòa của chùa ta, châm chước thể lệ suốt xưa nay, đặt ra hai mươi chức việc, giao cho tăng già⁽³⁾ trong chùa mỗi người chuyên một việc, giúp đỡ nhau để đạo học ngày một tiến bộ vậy.

Gọi là trưởng lão, là người nắm hết đại chúng,⁽⁴⁾ dạy bảo lớp sau, gánh vác việc tam bảo. Gọi là giám viện, là người thương yêu đại chúng, gần gũi điều nhân, an ủi kẻ già, vỗ về trẻ nhỏ, giúp đỡ tứ chúng.⁽⁵⁾ Gọi là thủ tòa, là người kiểm soát

⁽¹⁾ Đây là thời gian đức Phật thiền định dưới gốc cây bồ đề, sau đó thì giác ngộ.

⁽²⁾ Bách Trượng Hoài Hải: tức là đại sư Đại Trí, pháp danh Hoài Hải, đệ tử của ngài Mã Tổ Đạo Nhất, dựng chùa tu ở núi Bách Trượng đất Hồng Châu thời Đường, chiêu tập đệ tử, sáng lập ra quy thức ở thiền môn gọi là thanh quy, hàng năm nhà chùa lấy ngày này làm ngày kỷ niệm, gọi là Bách Trượng kỷ (ngày 17 tháng Giêng). Nhưng sách ghi chép Thanh quy này bị thất truyền, đời sau gọi là Cổ thanh quy; thời Nguyên, sư Đức Huy vâng chỉ sửa đổi thành tám quyển *Sắc tu Bách Trượng thanh quy*, hiện còn lưu hành. Hai chữ Trường Lô (hay Trường Lư) không rõ nghĩa là gì, hay pháp hiệu của nhà sư?

⁽³⁾ Tăng già: Người tu hành theo đạo Phật.

⁽⁴⁾ Đại chúng: chỉ tất cả tăng hay ni từ trẻ đến già cùng ở chung và tu tập trong một ngôi chùa.

⁽⁵⁾ Có nhiều cách phân biệt tứ chúng. Đã có chú giải ở phần trước. Đây nên hiểu đơn giản là tất cả những người tu hành trong một ngôi chùa.

uy nghi, đề phòng cảnh giác, truyền bá giáo pháp. Gọi là duy na, là người nêu điều ngay thẳng, dẹp điều tà vạy, hướng dẫn giải bày, vui hòa cùng chúng tăng. Gọi là điển tòa, là người trông coi và kiểm soát trầm hương, ba đức mười lợi,⁽¹⁾ cung cấp hai thời.⁽²⁾ Gọi là tri sự, là người trông coi việc chùa, phân phối công tác, giúp đỡ các phần hành. Gọi là khổ đầu, là người cân nhắc số thu vào để chi ra, giữ gìn và dè sẻn các vật hạng, cung cấp cho chúng tăng thường trú. Gọi là thư trạng, là người cất giữ bút mực, viết chữ khéo đẹp, bày vẽ cho người chưa biết. Gọi là tạng chủ, là người mua sắm và sửa sang các sách kinh luật, kiểm điểm các loại giấy tờ, để cho ba tạng⁽³⁾ được lưu thông. Gọi là tri khách, là người đón tiếp thập phương cho họ yên tâm cúng dường, làm vui lòng thiện tín. Gọi là thị giả, là người kính vâng mệnh lệnh mời gọi rộng rãi và đầy đủ, chuyên theo sự sai bảo. Gọi là liêu chủ, là người dọn dẹp buồng nhà, cẩn thận giữ gìn y bát, sửa sang đầy đủ trong ngoài. Gọi là đường chủ, là người xem mạch bệnh nhân, lúc nào cũng chăm sóc họ, giữ gìn sức khỏe cho tất cả chúng.⁽⁴⁾ Gọi là hương đăng, là người thay đổi hương hoa sạch sẽ, đánh lửa thắp đèn, nhà chùa sáng sủa. Gọi là viên đầu, là người trồng cây ươm hoa, dưa quả rau rắng, sửa sang vườn tược. Gọi là ban sai, là người hái chặt cây khô gỗ mục, lượm nhặt củi cành, tùy nghi nấu nướng. Gọi là vận thủy, là người rửa bát chùi mâm, nóng lạnh hợp thời, trong sạch thân miệng. Gọi là hỏa đầu, là người chọn lựa tinh thô, chỗ nồi xào nấu, cháo cơm đúng lúc. Gọi là tịnh đầu, là người rửa lau bụi bặm, quét tước sân thềm, được năm thắng lợi.⁽⁵⁾ Gọi là tịnh nhân, là người dọ dạc vâng vâng, sai gì thì làm nấy, chờ chực trong chùa. Người nào sung vào chức nào, cứ theo như thế mà làm: Trưởng giả, giám viện, thủ tòa, duy na, điển tòa, tri sự, khổ đầu, thư trạng, tạng chủ, tri khách, thị giả, liêu chủ, đường chủ, hương đăng, viên đầu, ban sai, vận thủy, phạn đầu, tịnh đầu, tịnh nhân.⁽⁶⁾

(1) Ba đức mười lợi: tam đức thập lợi. Ba đức: Theo kinh *Đại niết bàn*, ba đức là Pháp thân đức, Bát nhã đức và Giải thoát đức. Ba đức này tượng trưng cho ba thân (Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân) của Phật hoặc ba đức tướng (Trí đức, Đoạn đức, Ân đức) của quả vị Phật. Mười lợi: mười điều lợi ích trong một hành động, như khát thực thập lợi (mười lợi trong việc khát thực), đa văn thập lợi (mười lợi trong việc học hỏi), văn kinh thập lợi (mười lợi trong việc nghe kinh), bát nhã thập lợi (mười lợi trong việc suy nghĩ), thiền định thập lợi (mười lợi trong việc ngồi thiền)...

(2) Hai thời: buổi sớm và buổi tối, hai lần tụng kinh trong nhà chùa.

(3) Ba tạng: chỉ chung kinh điển của Đại thừa gồm ba loại kinh, luật, luận, tất cả đều phải chứa cất giữ gìn.

(4) Tất cả chúng: bảy hạng tu hành, gồm: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na (Học giới ni), Ưu bà tắc, Ưu bà di. Chỉ chung những người cùng tu hành trong một chùa.

(5) Năm thắng lợi: chưa rõ là gì.

(6) Phần liệt kê này, một chức danh không thấy phân tích ở trên, là phạn đầu. Ngược lại, trong phần phân tích trên cũng có một chức danh không thấy liệt kê ở đây, là hỏa đầu. Như thế thì phạn đầu tức là hỏa đầu vậy, người phụ trách nấu nướng, tức ta gọi là đầu bếp, chắc tác giả lẫn lộn. Nhìn chung, hai mươi chức danh này không phải tác giả sáng tạo ra, mà chỉ mô phỏng theo thanh quy của ngài Bách Trượng mà các chùa thuộc phái Lâm Tế thường vận dụng. Không phải chùa nào cũng có đủ các chức danh kể trên.

4. NGỰ BÌNH SƠN VIÊN THÔNG TỰ TRÍ TỰ ĐIỀN PHỔ KHUYẾN VĂN (Bài văn phổ khuyến đặt ruộng thờ của chùa Viên Thông⁽¹⁾ tại núi Ngự Bình)

Bậc đại thánh nhân thời xưa⁽²⁾ ngủ một giấc dưới bóng cây xanh, ăn một bữa đứng vào giữa trưa, hớn hờ tự nhiên vui với đạo mà dạy dỗ mọi người. Vậy cho nên hà tất bôn chôn nhờ một “chi trúc”, một “thẩm bồn” làm chi.⁽³⁾ Chẳng như thời trung cổ, đạo càng truyền thì tăng càng nhiều, muốn không nhờ ở “chi trúc, thẩm bồn” có được không ? Bần nạp sinh gặp thời tượng quý [mạt pháp], đức mỏng học nông, may nhờ hội ta không bỏ, chẳng quản đường xa nghìn dặm, khiến về chốn này, đã nhiều năm nay; trên thì vâng theo nghiệp tổ, dưới thì thuận lòng chúng tăng, trước thì đảm đương được việc khó, sau nữa chân hưng đạo lớn. Vào mùa thu [năm nay] dỡ đi làm lại đổi mới ngôi chùa,⁽⁴⁾ ra sức quyên góp lại thành tinh xá. Bần nạp một mình hành cước, được thế để qua ngày, được thế để hết năm, cũng vượt quá sự trông mong rồi. Lại nghĩ: Khuyến cốt ở ngày càng thịnh mà ngày càng nhiều; mộ cốt ở ngày càng thêm mà ngày càng đông. Chính là vì sợ chùa này thường ở, hàng năm khó giữ cho thường, về sau xuân thu đời đời không hưởng được đức của nó. Nay, bần nạp phát nguyện mua sắm một khoảnh đất đặt làm hương hỏa của chùa,

(1) Chùa Viên Thông ở làng An Cựu, nay thuộc phường Thủy An, thành phố Huế, phía tây nam núi Ngự Bình. Theo tục truyền, chùa do sư Liễu Quán khai lập vào những năm cuối thế kỷ XVII trên cơ sở một am tranh thờ thần của dân đi rừng, thời điểm khoảng năm 1695. Bấy giờ, đây còn là vùng rừng núi thâm u bóng cả cây già... Nhưng hai năm sau (1697), sư đi tu học rồi về quê... Năm 1708, sư ra Hàm Long Sơn tiếp tục tu học, vào sâu hơn dựng chùa mới, tức tổ đình Thuyền Tôn. Còn cái am tranh bỏ hoang thì chúa Nguyễn (Phúc Chú hay Phúc Khoát) mới cấp kinh phí cải tạo thành chùa và ban biển hiệu *Viên Thông tự* để kỷ niệm. Thời Tây Sơn (1786-1901), chùa bị phá hủy. Phải đợi đến sau khi vua Gia Long khôi phục Phú Xuân (1801) một thời gian, từ năm 1814, chùa mới dần dần được trùng hưng nhờ sự ngoại hộ của quan lại, hoàng gia và nội cung nhà Nguyễn. Đến đầu thế kỷ XX, chùa Viên Thông nghiêm nhiên trở thành một trong những danh lam cổ sát đất Thiền kinh.

(2) Chỉ đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

(3) Trong câu này có hai từ chúng tôi không hiểu hết nên cứ ghi nguyên văn để xin độc giả chỉ giáo: “枝竹 chi trúc”, nghĩa đen cành cây và cây trúc (hay tre), tất nhiên không phải “cành tre” (phải viết: trúc chi, hay trúc nhất chi); Đây có lẽ theo điển “Kệ Tân vương sáp trúc nhất chi” mà làm nên tinh xá. Còn từ “thẩm bồn”, chữ “thẩm” là chúng tôi tạm đọc như thế, vì tra từ điển và tự điển đều không có (bộ 米 MỄ + chữ 審 THẨM).

(4) Năm Thành Thái 1 (1889), sư Chân Kim Pháp Lâm (? -1898) thuộc dòng thiền Lâm Tế, ngang đời thứ 40 theo dòng kệ Minh Hải Pháp Bảo ở chùa Chúc Thánh (Quảng Nam), từ chùa Châu Lâm ở Phú Yên ra, đến trú trì chùa Viên Thông, khuyến mộ thập phương sửa sang lại chùa, hiện còn tấm văn khắc để lại do đệ tử là đại sư hỷ Như Thừa, tự Giải Trí, hiệu Hoảng Nguyên, kính dựng, nội dung như sau (dịch): “Năm Kỷ Sửu, Thành Thái 1 [1889], đại sư Pháp Lâm hỷ Chân Kim ở chùa Châu Lâm tỉnh Phú Yên lại mở rộng chùa Viên Thông, cùng đệ tử và thiện nam tín nữ thập phương trong đạo bỏ tiền góp sức giúp vào cho xong. Xin khắc đầy đủ phương danh vào đá, mãi mãi muôn nghìn năm không mất”.

thì hiện nay về ở đây, không thiếu bốn duyên,⁽¹⁾ ngày sau nhờ đó mà thêm thất chút gì cho thất chúng. Như thế, bản nạp mới yên lòng, thiện tín cũng không lo lắng. Mong cầu quý chức trong hội ta phát tâm bồ đề giúp đỡ ít nhiều để sớm viên thành. Không chỉ bản nạp xin đền ơn mà hội ta ngày sau cũng [có nơi] dâng hương không dứt vậy. Còn cái “chi trúc thâm bồn” ấy làm phúc đức chẳng cũng rất nhiều ư! Một tác lòng thành liệt kê tất cả sau đây...

5. BẢNG LÃNG LINH SƠN TỰ PHỔ KHUYẾN VĂN (Bài văn phổ khuyến của chùa Linh Sơn ở Bảng Lãng)⁽²⁾

Kính nghe: Thường trú tự có nhân duyên to, quy y cũng mở giáo pháp rộng. Cho nên một Tu Di,⁽³⁾ một cọng cỏ, một tác đất, một đàm hoa,⁽⁴⁾ Kỳ Đà biểu cây trong vườn mà tinh xá hoàn thành;⁽⁵⁾ Kệ Tân vương cấm cảnh trúc mà già lam đã

- (1) Bốn duyên: bốn loại duyên, gồm: 1. Nhân duyên: chỉ lực căn là nhân, lực trần là duyên, căn nào thì sinh ra duyên tương ứng (như những căn tiếp xúc với sắc trần). 2. Thứ đệ duyên: chỉ tâm; tâm sở pháp lần lượt phát khởi và liên tục, không gián đoạn. 3. Duyên duyên: cũng chỉ tâm; tâm sở pháp mượn duyên mà sinh khởi. Là sở duyên của tự tâm. 4. Tăng thượng duyên: chỉ lực căn năng chiếu cảnh phát thức có lực dụng tăng thượng, lúc các pháp sinh chẳng sinh chướng ngại (TĐPHHV, tr. 1434).
- (2) Xã Bảng Lãng 憑浪 (chỉ thấy tên trong sách *Đồng Khánh địa dư chí*) thành lập khoảng đầu thời chúa Nguyễn, vốn tên Trung Lãng, sau năm 1570 thuộc tổng Kim Long, huyện Hương Trà; đầu thế kỷ XIX (theo địa bạ thời Gia Long), đổi tên Bảng Lãng; sau năm 1835, thuộc tổng Cư Chánh, huyện Hương Thủy; sau năm 1945, thuộc xã Nguyên Thủy, huyện Hương Thủy; từ năm 1958, thuộc xã Thượng Bằng, quận Nam Hòa; sau năm 1975, thuộc xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy; từ năm 1981, thuộc xã Thủy Bằng, thành phố Huế; từ năm 1991, lại thuộc xã Thủy Bằng, huyện Hương Thủy. Chùa Linh Sơn ở xã này, chúng tôi chưa có dịp đến thăm.
- (3) Tu Di: còn gọi là Tu Mê Lâu, Tô Di Lâu, Tô Mê Lư, Hán dịch Diệu Cao, Diệu Quang, An Minh, Thiện Tích, Thiện Cao..., tên núi, ở trung tâm của một tiểu thế giới, rất cao và rất sáng (theo TĐPHHV, tr. 1401). Một nghìn tiểu thế giới như thế hợp lại thành một tiểu thiên thế giới, một nghìn tiểu thiên thế giới hợp lại thành một trung thiên thế giới, một nghìn trung thiên thế giới hợp lại thành một đại thiên thế giới. Nói chung, đó là nơi cư trú của các loài hữu tình.
- (4) Đàm hoa: 1. Hay ưu đàm hoa, ô đàm hoa, tên một loài cây nở hoa kỳ lạ, nguyên gọi ưu đàm bát hoa, ưu đàm ba la (udambara). Hán dịch là hoa thụ ứng hay linh thụ, mọc ở vùng núi Himalaya, cao nguyên Decan, thân cây cao hơn 7m, lá như lá cây lê, quả to bằng nắm tay, vị ngọt, không hoa mà kết trái, hoa rất ít xuất hiện (vì chìm sâu trong đài hoa), theo kinh văn thì ba nghìn năm mới nở hoa một lần, nên chỉ cái gì rất hiếm hoi. Người xưa cho rằng cây này cứ ba nghìn năm mới nở hoa một lần, và theo *Nam sử*, đó là điềm lành báo đức Phật ra đời giáo hóa chúng sinh. Do đó cái quý hiếm có được gọi là “đàm hoa nhất hiện” (hoa đàm một lần hiện ra), mất đi gọi là “đàm hoa lạc khứ” (hoa đàm rụng mất), hay “đàm hoa lưu khứ” (hoa đàm trôi mất). 2. Hoa ưu bát đàm, cũng gọi là ưu bát la (utpala), một loại hoa sen màu xanh, Phật giáo dùng để so sánh với giáo pháp. Kinh Pháp hoa: “Đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Diệu pháp này như hoa ưu bát đàm chỉ nở có một lần mà thôi”.
- (5) Một nhà buôn rất giàu (trưởng giả) ở thành Xá Vệ, tên thật là Tu Đạt Đa (Sudatta) cũng dịch âm là Tô Đạt Đa. Ông thường đem tiền của ban phát cho những người nghèo khó, neo đơn, nên được xưng tụng bằng danh hiệu Anathapindica (Cấp Cô Độc, Cấp Chư Cô Lão Thiện Dữ, Thiện Cấp, Thiện Thí, Chấn Tế Bản Pháp). Khi đức Phật ở Ma Kiệt Đà, ông đến vấn pháp ba lần, trở thành ưu bà tắc (hoặc kẻ: nhân đi buôn đến thành Vương Xá (Rājagṛha), ghé vườn Trúc Lâm nghe Phật

dựng.⁽¹⁾ Sơn tăng vâng đánh hét ở Tổ đình,⁽²⁾ nổi ngọn đèn ở chốn này, đến nay đã ba năm rồi. Xã ta nghĩ sâu mỗi đạo, mến mời sơn tăng, hợp cùng sơn tăng sửa lại ngôi chùa, mở mang cõi Phật, tô tượng đúc chuông, việc thờ cúng rất đàng hoàng. Tất cả đều do sơn tăng gánh vác, đồng tâm hiệp lực với xã ta vậy. Nay, sơn tăng trộm nghĩ: Phật pháp đã đẩy lên, dựa vào nơi này mà kéo dài hương hỏa, muốn xây thêm điện sau và dời dựng nhà khách, để đến với tất chúng và tam quy, cũng để tỏ tác thành với trăm đời. Xã ta giúp công đức có thủy có chung. Sơn tăng mãi mãi vâng lấy chân truyền, hết sức thỉnh nguyện. Cho nên chẳng lớn lao ư ?

Những ai có cúng dường bao nhiêu xin liệt kê sau đây...

6. TRỪNG TU THIÊN ĐỒNG TỰ PHỔ KHUYẾN VĂN **(Bài văn phổ khuyến để sửa lại chùa Thiên Đồng)**

Xưa, Kệ Tân vương phát tâm làm tinh xá, cấm một cảnh trúc ngay trước đức Phật, nói: “Hãy dựng tinh xá”. Đức Phật liền nói: “Đúng thế! Đúng thế!”. Tinh xá chứa cả pháp giới, lấy làm chỗ cúng dường, phúc đức nhiều không kể xiết như cát Sông Hằng. Một cảnh trúc phúc đức còn như thế, huống chi có nhiều hơn một cảnh trúc. Nay chùa Thiên Đồng do đại sư xây dựng đã hơn trăm năm, tranh cỏ bay đột nát cả, Minh [tôi] cùng các pháp đệ Tuệ Khai, Tuệ Nhật bàn bạc với đồng sư nổi pháp là Trùng Nhân muốn lợp ngói làm mới lại. Lại nghĩ: Tháp xây xong ban đầu do tập hợp cát mà thành; áo cừu thì phải lấy da rách trăm con chồn kết nên. Cộng tâm bồ đề phát ra từ mỗi người lại mới xong được. Kính mong quý thích cho đến đàn na soi xét lòng thành của kẻ hèn. May được giúp đỡ thì thật là cái phúc như cát Sông Hằng ở đây vậy. Một lần cúng dường mà pháp giới bao trùm rộng rãi cũng ở đây vậy. Tinh xá nhờ ở công đức một cảnh trúc cũng không là quá nhiều.

Ngày tháng Tám năm Thành Thái thứ mười lăm [1903].

Bản nạp Tuệ Minh chấp tay [lạy].

thuyết pháp, ông thấu hiểu và vui lòng quy y). Ông bèn mời Phật đến thành Xá Vệ cứu độ chúng sinh. Ông muốn mua khu vườn đẹp nhất của thái tử Kỳ Đà (Jetr Jeta), con vua Ba Tư Nặc nước Câu Tát Na (Kosala) ở thành Xá Vệ (Srāvati), thường gọi là Kỳ Đà Viên hay Kỳ Viên, để cúng cho Phật làm tinh xá; thái tử Kỳ Đà ra điều kiện phải trải vàng trên mặt đất, trải đủ đến đâu bán đến đó. Ông trải vàng khắp vườn, trừ các gốc cây. Thái tử bằng lòng, bèn bán vườn, còn cây thì vẫn thuộc về mình, nhưng cũng cúng cho Phật luôn, kể cả những rễ đất còn lại nên người ta gọi là Kỳ Đà Thụ Cấp Cô Độc Viên (Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên), vắn tắt là Kỳ Viên. Ông còn xây dựng một tinh xá rộng rãi khang trang, đủ cho Phật và 1250 đệ tử ở và tu học, gọi là Kỳ Đà Lâm Tu Đạt tinh xá (gọi tắt: Kỳ Đà Viên tinh xá), trong có bệnh xá, đúc tám quả chuông, bốn quả bằng bạch kim, bốn quả bằng pha lê, mỗi khi có bệnh tăng lâm chung thì những quả chuông phát ra bài kệ làm cho hết khổ não, được an vui hay vắng sinh tịnh độ.

(1) Kệ Tân vương: tích này chúng tôi chưa am tường. Xem bài văn phổ khuyến kế tiếp (của chùa Thiên Đồng) cũng dùng điển này.

(2) Tổ đình: chùa tổ. Có người cho rằng ở Huế, người ta gọi chùa là tổ đình. Nhưng thật ra, không phải chùa nào cũng gọi là tổ đình được. Tổ đình phải là chùa gốc, có tăng nhân tách ra khai sơn

7. KHỐC THUẬT PHÁP LÂM ĐẠI SƯ VĂN (Bài văn khốc kể chuyện đại sư Pháp Lâm)

Ngựa mà được Vương Lương, Bá Nhạc [điều khiển] mới trở được hết tài năng; đồ không gặp Bàn Căn, Thố Tiết thì không thể biết rõ cái ích lợi. Người mà biết người cũng do đó vậy. Kính nghĩ: Tôn sư là con nhà họ Lê, húy Chân Kim, hiệu Pháp Lâm, người ấp Quảng Đức, xã Ngân Sơn, tổng Xuân Sơn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, thửa nhỏ xuất gia, đắc pháp với hòa thượng Tuệ Minh chùa Bảo Sơn. Sư là người hiểu biết sâu rộng, nói cười trang nhã nhưng cứng cỏi ngay thẳng, chí khí cao xa, giới luật nghiêm chỉnh. Tại làng quê, sư dựng chùa Châu Lâm. Năm Đinh Hợi [1887], sư vân du ra Kinh sư, đến chùa Viên Thông ở núi Ngự Bình. Thiện nam tín nữ mời sư trú trì chùa ấy. Sư sửa lợp ngôi chùa, vách vàng chói lợi; tô tượng, in kinh; đàn na đông đảo, công lao thật là to lớn. Sư được Hoàng Thái hậu ban cho mấy viên ngọc Thất bảo và kim khánh để ghi ơn đức. Năm Giáp Ngọ [1894], vua sắc cho hòa thượng chùa Báo Quốc mở đại giới đàn, mời sư làm Tôn chứng. Năm Bính Ngọ [1906], sư đem việc chùa giao cho viên tăng tri sự trong chùa, dựng am tranh ở nền cũ của chùa (tại phía tây núi Ngự Bình, bên trái chùa), rồi “nhập thất”,⁽¹⁾ nguyện ba năm mà hòa thượng Tuệ Minh xin cho năm rưỡi. Năm Đinh Dậu [1897], nguyện “nhập thất” xong, sư dẫn [Hồng] Vịnh dong chơi núi non. Sư thường dựng đài trong vùng đá núi Ngũ Phong, làm nơi đến xem [phong cảnh]. Vịnh thường lấy cỏ núi để làm áo quần mặc mát. Sư cũng may một cái áo... Sư hẹn sau khi thể phát thì đi chơi phía nam. Vịnh vì thuộc khánh phổ [hoàng gia] chưa tiện đi xa, nên sư một mình ra đi. Ai liệu được về quê chưa bao lâu, sư đột ngột Tây quy (ngày 14 tháng Hai năm Mậu Tuất [6/3/1898]). Hỡi ôi! Đau đớn thay! Nhân được giấy báo tin của em sư là Thanh Chí, tôi bèn thuật sơ lược chuyện của sư để khốc vậy.

Đệ tử là Hàn Lâm Viện thị độc Hồng Vịnh kính lạy.

chùa khác, mới gọi chùa cũ mình từng tu học là tổ đình. Có ai gọi những chùa như Phổ Quang, Viên Giác, Từ Lâm... là tổ đình đâu.

- ⁽¹⁾ Nhập thất: Thiền quy gọi các đệ tử tham học lâu ngày là vào buồng thầy mà hỏi đạo. Thế gian gọi những đệ tử học được pháp của thầy là Nhập thất đệ tử. Song nói là nhập thất thì cũng chưa hẳn là đã học hết được pháp của thầy. Sắc tu thanh quy nhập thất: “*Nhập thất để thầy xem xét người học, nếu thấy có chỗ nào còn trống rỗng viển vông thì khuấy đảo lại, thấy chỗ nào quá thiên lệch thì đã phá đi*”. Hưng thiên hộ quốc luận: “*Nhập thất là nói gặp buổi hòa thượng nhân hạ thì sẽ gây dựng cho. Đó là việc lớn của tông này*”. Nhập thất còn chỉ tu pháp của tông Chân Ngôn. Tông Chân Ngôn nhập quán đỉnh thất, cử hành lễ thụ pháp quán đỉnh. Người đã được thụ pháp này thì gọi là Nhập thất đệ tử (TĐPHHV, tr. 851).

8. KÝ TỪ VÂN AM CHỦ THƯ (Thư gửi chủ nhân am Từ Vân)

Pháp đệ Tâm Khoan dám hỏi thăm chủ nhân am Từ Vân bình yên khỏe mạnh. Đệ then học vấn sơ sai, khổ nổi ôm giữ thiên đồ,⁽¹⁾ chưa chút gì báo đáp, sớm tối đến nương nấu nơi đây, đối bóng cách xa pháp tịch. Gần đây, cảnh ngộ cũng bình thường, đã qua năm lần kết hạ,⁽²⁾ chẳng biết chi góc rừng bờ nước. Ăn ngủ cũng như thường. Đợi sau khi đệ thuyết pháp Liên hoa, thân tâm thanh thoát, sẽ đích thân đến hầu bên tòa Sư tử, chớ thấy [đệ] không đoái hoài đến mà cho rằng bỏ mặc. Đệ xa rời hai bên đã lâu, thật là không thể đừng được, há dám thờ ơ không an ủi nhau. Tình sao nở như vậy? Đệ nói năng rất vụng, rất ngu, cuồng đại vô cùng, mắc cái tội hời hợt qua loa. Muôn điều xin tha thứ! Muôn điều xin tha thứ.

Pháp đệ Tâm Khoan kính thư.

9. THƯỢNG PHÁP HUYNH TÂM TRUYỀN ĐẠI SƯ KHÁT TRÚ TRÌ QUANG BẢO TỰ THƯ (Thư gửi lên đại sư Tâm Truyền xin ở chùa Quang Bảo)

Pháp đệ Tâm Khoan kính bạch rằng:

Tôn huynh Đại đức xin ở chùa Quang Bảo⁽³⁾ tu hành và lo việc Phật. Chiếu theo một ngôi chùa Quang Bảo do tiên đại sư của Khoan tạo dựng khó khăn mà pháp huynh của Khoan phải giúp vào mới thành ra một việc tốt lành lớn lao. Nay để không lâu ắt đến hư nát thì Khoan có tội với tiên đại sư của Khoan ở chỗ không

⁽¹⁾ Thiên đồ: bản đồ trời, chỉ chức vị trú trì, coi giữ ngôi chùa.

⁽²⁾ Kết hạ: nói đầy đủ là an cư kết hạ; mỗi năm, trong khoảng ba tháng, các tỳ kheo tăng ni không được ra ngoài, phải ở yên một chỗ mà nỗ lực tọa thiền, tu trì và học hỏi [thường gọi là an cư, còn gọi là tọa hạ, tọa lạc]. Giai đoạn đầu gọi là kết hạ, giai đoạn cuối gọi là giải hạ. Chữ hạ đây có nghĩa là mùa hè, vì trước thời Đường, an cư vào mùa hè, cụ thể gồm ba giai đoạn: 1) Tiền an cư, bắt đầu ngày 16 tháng Tư. 2) Trung an cư, bắt đầu ngày nào tùy ý. 3) Hậu an cư bắt đầu ngày 16 tháng Năm. Giải hạ ngày 15 tháng Bảy. Sau thời Đường chỉ có hai giai đoạn: 1) Tiền an cư, bắt đầu ngày 16 tháng Năm. 2) Hậu an cư, bắt đầu ngày 16 tháng Sáu. Thời Liễu Quán tu tập tại Phú Xuân, các sư trong vùng thường tụ tập tại Thiền Lâm viện để an cư kết hạ, hòa thượng Minh Hoàng Tử Dung của Ấn Tông thường đến để giúp đỡ, hướng dẫn. Mỗi năm, an cư kết hạ một lần, cho nên gọi tuổi đạo của nhà sư là hạ lạc.

⁽³⁾ Nhà nghiên cứu Hà Xuân Liêm cho rằng, chùa Quang Bảo không rõ do sư nào khai sơn vào thời điểm nào, chỉ biết sang thời Nguyễn thì đã sụp đổ, đến thời Minh Mạng mới được trùng hưng theo như sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: “Chùa Quang Bảo ở xã Kim Long, huyện Hương Trà, khoảng đời Minh Mệnh, Thuận Thiên Cao Hoàng hậu bỏ tiền của ra sửa lại” và được “Sắc tứ Quang Bảo tự”. Nhưng văn bản này sư Tâm Khoan nói rõ “do tiên đại sư của Khoan tạo dựng khó khăn mà pháp huynh của Khoan phải giúp vào mới thành”. Như vậy, vị khai sơn chính là Hải Thuận Lương Duyên với sự ngoại hộ của Thuận Thiên Cao Hoàng hậu, có thể sau năm 1830, là năm sư thụ giới với hòa thượng Bồn Giác. Năm 1849, sư được cử về trú trì chùa Diệu Đế, nên chùa Quang Bảo không ai chăm sóc, dần dần hư hỏng, rồi đệ tử Thanh Nguyên Tiên Giảng sửa lại.

giữ được cơ nghiệp thờ cúng; đồng thời có tội với pháp huynh của Khoan ở chỗ không có công lao chống đỡ ngôi nhà. Huống chi tiên đại sư của Khoan Tây quy chưa lâu, không người trao chúc, để cho Khoan một thân mà gánh vác việc của hai người, thể chia sức yếu, không riêng gì chùa Quang Bảo, không thấy giúp được gì tại tổ đình, tự biết chẳng có bổ ích gì. Cho nên từ ấy về sau, Khoan đã ôm nỗi đau chín kinh, kiêm nỗi lo hai chốn, dùng dằng ngơ ngác, không biết nói gì! Một khi muốn bèn lòng sám hối, gắng chí đèn ơn, thì suy nghĩ ấy động đến tâm, ơn chẳng nên ơn, hối chẳng nên hối. Và chẳng, pháp huynh của Khoan đối với Khoan sánh cùng tiên đại sư của Khoan, đức như núi Tu Di, ơn như biển rộng, dám không hết sức phụng sự ư? Dám không chân thành báo cáo ư? Nay bày tỏ tấm lòng may được thu nhận, tha thiết xin để cho Khoan một hai năm nữa sang Quang Bảo sắp đặt việc chùa, mò yên tang hết, giao gởi được người, lập tức về hầu tổ đình, ngày ngày hầu hạ hai bên pháp huynh, ngõ hầu việc có chỗ nhờ mà cũng ít nhiều bổ ích. Trộm có ý nghĩ thân này đã xuất gia, lấy vô sự làm sự, huống chi sáu thân⁽¹⁾ đã rời bỏ, sao có thể chấp hữu vi làm thuyết. Nhưng thân này đã làm con Phật, pháp thành hay mất rất quan hệ đến tổ đình, nhờ có đại lực của sư huynh đủ để hiểu thông mọi lẽ. Như Khoan tôi, lông trên lưng chắc tăng giảm chẳng hại gì (?), chùa Quang Bảo tuy quê mùa đơn sơ, nhưng cũng không thể không có người nối nghiệp để giữ lấy ở một địa phương. Thử lấy một chuyện di Kiều Đàm mà nói,⁽²⁾ tiên đại sư của Khoan báo hiệu trong việc tang ma thật là sâu sắc, còn pháp huynh của Khoan làm xong việc thiện giúp người là sợ, cho nên khẳng khẳng như câu nói ấy. Được mệnh thì toàn vẹn cả trung và hiếu, như không được mệnh thì Khoan lo lắng không nguôi, càng thấy thấp thỏm bàng hoàng mà đau xót. Càng thấy bàng hoàng như thế thì Khoan càng tệ mạt biết bao nhiêu!

Pháp đệ [Tâm] Khoan kính thưa đầy đủ.

và trú trì. Từ đó, chùa trải qua các đời trú trì: Thanh Nguyên Tiên Giảng, Thanh Đức Tâm Khoan, Trừng Ngộ Hưng Chánh, Trừng Tuệ Hưng Nguyên, Tâm Tú Hưng Thừa. Năm 1954, Pháp mở con đường đi ngang giữa vườn chùa, nên năm sau, giám tự Tâm Tú bán đi phần vườn bên kia đường, lấy tiền dời chùa sang nửa còn lại, thu nhỏ thành ngôi chùa vuông, nhưng bên trong vẫn thờ tự như cũ. Sư Tâm Tú sinh năm 1925, người làng Trung Kiên (Quảng Trị), gặp buổi khó khăn, hoàn tục, lấy vợ nhưng vẫn ở giữ chùa.

⁽¹⁾ Sáu thân: theo kinh *Tâm địa quán*, ba thân Pháp, Báo, Ứng, mỗi thân lại gồm hai thân thành ra sáu thân.

⁽²⁾ Kiều Đàm di: nguyên nghĩa là người phụ nữ trong họ Cù Đàm, tức Gautama; di Kiều Đàm (cũng viết Kiều Đàm, Câu Đàm, Kiều Đáp) chỉ bà di ruột của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bà tên là Ma-ha Ba-xà-ba-đề (Mahā Prajāpati); sau khi đức Phật sinh được 7 ngày thì mẹ mất, bà thay chị nuôi nấng đức Phật đến lớn, chăm sóc rất chu đáo.

10. TUỆ MINH PHỤC TRÌNH THƯ (Thư Tuệ Minh lại trình lên)

Thủ tòa chùa Từ Hiếu là Tuệ Minh trình việc không dám đảm đương đề cử mới.

Ngày mồng 8 tháng này, nhận được một phong thư của quý viện, trong nói rõ trú trì chùa Từ Hiếu là đại sư Tâm Tịnh gấp rời chùa ấy mà về tổ đình, trong có một khoản bảo cử Minh thay mặt. Minh đọc xong bỗng toát mồ hôi lưng. Và từ ngày đại sư về đây, ngôi chùa càng ngày càng trang nghiêm, đại chúng càng ngày càng thông thạo, Minh tu hành càng ngày càng tiến bộ, đạo nghiệp của Minh càng ngày càng thành tựu. Minh của ngày hôm nay chẳng phải Minh của ngày xưa nữa, đại chúng ngày nay chẳng phải đại chúng ngày xưa nữa, đều là do sức của đại sư và ơn đức của tổ đình để lại vậy. Đại sư không thể từ chối là lẽ đương nhiên rồi. Minh không thể nhận cũng là lẽ đương nhiên rồi. Huống chi lúc đầu, quý viện mời, ba hòa thượng lập nên, đại sư càng không thể từ chối, Minh càng không thể nhận. Sao cứ giữ một mực được. Người ta nhìn vào mà làm uổng sự trông mong của đại chúng. Cứ như những gì đã kể đó thì Minh e sợ không biết đường nào! Và lại lấy cái học vấn của Minh tuy nói là tiến bộ nhưng đối với người chưa chắc là giỏi; cái đạo nghiệp của Minh tuy nói là thành tựu, nhưng giao tiếp với đại chúng chưa chắc đã hết lòng. Hãy mượn phép nhà của đức Phật tổ ta mà nói. Phép nhà của đức Phật tổ ta như thế nào? Phép nhà của đức Phật tổ ta thì pháp tự còn nhiều, có ai đơn độc hơn Minh, nếu lấy người quen đại chúng thạo làm việc, thì Minh không như đại sư, trú trì lâu, dạy dỗ nhiều. Nay quý viện dựa vào lời của đại sư, các tôn môn ưng thuận, quý viện lấy việc lớn giao cho Minh, không riêng Minh biết là “dùi nhỏ chuông to”.⁽¹⁾ Phạm người như Minh không ai không biết con muỗi mang núi vậy. Xin quý viện và các tôn môn nghĩ lại, tính kỹ những lời của Minh, tha thiết mời đại sư vẫn trú trì chùa để tuân theo ý tổ, ý viện. Nếu như hai ba lần mà không được, thì chọn người trong tôn môn giỏi giang siêng năng bỏ vào, để Minh vẫn làm việc như trước, thì Minh có thể báo đáp ơn đức tổ, lại có thể báo đáp công ơn của viện, chan hòa với đại chúng mà yên lòng, há chẳng hay sao? Như [quý viện] nhận lời, thì may lắm, may lắm! Như [quý viện] không nhận lời, thì Minh khôn khổ biết bao nhiêu...

⁽¹⁾ Thôn đình cự chung: dùi nhỏ chuông lớn. Thơ Hàn Dũ: 忽如寸莛撞巨鐘 *Hốt như thôn đình chàng cự chung* (Bỗng như dùi nhỏ đánh chuông to). Ý nói sức mình nhỏ bé mà làm việc lớn lao thì không đương nổi.

11. THUỞNG BẢN SƯ KHẮT CHỨNG MINH KẾT HẠ THU' (Thư dâng lên bốn sư xin chứng minh kết hạ)

Ngày mồng 1 tháng Tư năm Kỷ Hợi [10/5/1899]

Đệ tử Như Như chấp tay quỳ xuống bạch với sư rằng:

Thời tiết mát mẻ điều hòa, bên bờ nước dưới rừng cây, Bà la môn có phép tắc an cư. Xưa Phật có bản nguyện hoặc sáu tám, hoặc hai sáu. Nay đệ tử chỉ có sáu nguyện, xin sư chứng cho có được không?

Nguyện thứ nhất: đọc hết sách kinh điển.

Nguyện thứ hai: độ cho các tăng ni bệnh tật khổ sở.

Nguyện thứ ba: từ ăn chay mười ngày mà lên ăn chay trường, đến giữa ngo, đến tịch cốc.

Nguyện thứ tư: Đi thăm tất cả các chùa cổ ở Nam Kỳ.

Nguyện thứ năm: Dựng quán Dược Sư Lưu Ly.

Nguyện thứ sáu: kết tập mười hạ.

Đó là sáu nguyện trong đời. Giữa mùa hè cũng có sáu nguyện: Giờ Tý đi chơi trong mơ; giờ Sửu giờ Hợi lần tràng hạt, giờ Dần giờ Tuất tụng kinh Hoa nghiêm hay Lăng nghiêm, giờ Mão giờ Dậu ngồi yên lặng, giờ Thìn giờ Thân phóng tham, giờ Tỵ giờ Mùi viết lách, giữa ngo ăn một bữa. Đó là nguyện nhỏ hàng năm, xin sư sửa định cho, đệ tử tuân theo chặt chẽ. Còn như mong được ẩn khả thì an cư chưa có nơi nhất định, xin kể sơ qua chờ chọn, hoặc ở trên đầm Song Long, hoặc ở chái đông Hậu điện, hoặc ở núi Tiểu Thúy Vân, hoặc ở đình tạ Hóa Đài, hoặc ở chùa Viên Thông Phổ Tuệ, hoặc ở am Đề Thảo, không nơi nào là không thích nghi. Xin sư chỉ bảo.

Đệ tử Như Như kính lạy.

Sư chỉ bảo rằng:

Nguyện lớn lao thay! Nhưng nên lần lượt mà tiến lên dần dần, ban đầu nên lấy nhật tụng làm chủ, ví như xây lầu, tầng dưới chưa làm mà làm tầng trên, ta chưa thấy thành công. Thông thả hai khóa, kinh nào mà chẳng được. Đến như ngồi hạ, thì chái đông vắng vẻ, trong lòng cũng như ở bên nước dưới rừng. Vả lại, tăng lìa chúng cũng như hổ lìa núi, ta không muốn ông xa rời bên tả hữu ta vậy.

Như Như lại lạy, vâng theo mệnh lệnh.

12. MÔNG MỘNG PHẬT CƯ SĨ TÁC HÀM LONG SƠN CHÍ TỰ KIẾN KÝ PHỤC THU'

(Lại gởi thư xin cư sĩ Mộng Phật⁽¹⁾ làm bài tựa Hàm Long sơn chí)

Hôm trước, nhận được tin đang lúc Như và Tôn sư mong mỏi, khác chi đang ngựa mà được gãi, khôn xiết vui mừng ra ngoài trông ngóng; kịp cầm đọc bỗng mát lạnh như cỡi gió lên không, lòng dạ sáng khoái, răng má thơm tho; đúng như người xưa nói làm văn nên đón đầu gió, ví như các bài tựa *Đỉnh Hồ chí*, *Phổ Đà chí*, đều đáng khen là đẹp đẽ vậy. Trong chốn sư sãi mà có chuyện này, có người này lưu truyền muôn thừa, chẳng là vĩ đại ư? Lại hẹn đăng cao,⁽²⁾ bỏ lỡ mất trứ kỳ. Nay ông gượng bệnh đi thuyền tới, đích thân xem ắt bớt sai sót, hướng chỉ phía bắc núi Đông, phía nam núi Tô, ngày nào mà chẳng đăng cao, không bỏ lỡ.

13. DĨ CHUYẾT TẬP TẶNG THANH NHÂN LA HOÁN CHƯƠNG THU' (Thư lấy tập sách vụng tặng La Hoán Chương người nước Thanh)

Tập sách này viết xong ở nhà khách Ái Châu [Thanh Hóa]. Mùa xuân năm Bính Ngọ [1906], có chỉ gọi Vịnh về Kinh. Lúc sắp chia tay, thầy La Hoán Chương tự mô phỏng nét chữ trên trống đá đem cho, rất hợp với lòng ham thích của tôi. Nghĩ không biết lấy gì báo đáp lòng tốt ấy, bèn tự chép sách này để tặng. Những văn thư này để xem qua lúc rảnh rỗi, sau nữa đèn khuya quán trọ gởi vật này để nhớ đến ý người. Nếu đem theo về Giang Tả nên bắt chước ông Từ Lăng vì Ngụy Công mà cất giữ, có thể cảm khái móng hồng bunn tuyết⁽³⁾ vậy...

⁽¹⁾ Mộng Phật: hiệu của Tôn Thất Diệm (1853-1922). Ông thi Hương ăn khoa Mậu Dần, Tự Đức 31 (1878), chỉ đỗ Tú tài, nhưng cũng ra làm quan từ chức Tri huyện (1881) lên đến Tham tri (1907), rồi về hưu (1910) với hàm Thượng thư. Ông kết giao với Tam Xuyên Tôn Thất Mỹ, Phước Môn Nguyễn Hữu Bài, Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại. Tác phẩm: *Văn Phổ thi tập*, *Mộng Phật quốc âm thi tập*, *Phương ngôn sự loại*, *Quốc âm ngạn ngữ tứ tự hiệp vận đối*, *Hán văn thường ngữ tứ tự hiệp vận đối*, *Quốc âm phú tắc*.

⁽²⁾ Đăng cao: chỉ việc sáng tác thơ văn.

⁽³⁾ Móng hồng bunn tuyết: Hay "tuyết nê", dấu vết bunn của chim hồng (nhạn, loài vịt trời) trên tuyết; ý nói tuy không thấy chim hồng, nhưng vẫn đã từng có nó vì đã để lại vết bunn dính ở chân nó trên mặt tuyết. Thơ của Tô Thức (Đông Pha) đời Tống: "浮生到處知何似 / 恰似飛鴻踏雪泥 *Phù sinh đáo xứ tri hà tự? / Cáp tự phi hồng đạp tuyết nê*" (Sống tạm rốt cuộc giống như cái gì? Thì cũng như chân chim hồng bay đạp lên trên bunn tuyết).